SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; 19/12/2023 11:25:53

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70 /2023/NQ-HĐND	*Lai Châu, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe và điều dưỡng; thăm hỏi khi ốm đau; phúng viếng trong lễ tang; thăm hỏi, tặng quà nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ, Tết Nguyên đán của tỉnh Lai Châu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét Tờ trình số 4432/TTr-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù trong công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe và điều dưỡng; thăm hỏi khi ốm đau; phúng viếng trong lễ tang; thăm hỏi, tặng quà nhân dịp tết nguyên đán, ngày thương binh liệt sĩ của tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 595/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về một số chính sách trong công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe và điều dưỡng; thăm hỏi khi ốm đau; phúng viếng trong lễ tang; thăm hỏi, tặng quà nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ, Tết Nguyên đán của tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhóm A: Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý *(cả đương chức và nghỉ hưu)*; đại biểu Quốc hội đương nhiệm ở tỉnh; đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm

a) Đối tượng A1: Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.

b) Đối tượng A2: Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

c) Đối tượng A3: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

d) Đối tượng A4: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; cấp trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương.

đ) Đối tượng A5: Phó Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương *(trừ các chức danh Chủ tịch và Giám đốc các Công ty nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh)*.

e) Đối tượng A6: Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

g) Đối tượng A7: Đại biểu Quốc hội đương nhiệm ở tỉnh; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đương nhiệm.

2. Nhóm B: Người có công, thân nhân người có công với cách mạng

a) Đối tượng B1: Người hoạt động cách mạng trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Đối tượng B2: Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.

c) Đối tượng B3: Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên.

d) Đối tượng B4: Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; đại diện thân nhân liệt sĩ: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, người có công nuôi liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng, con đẻ, con nuôi thờ cúng liệt sĩ.

đ) Đối tượng B5: Thương binh, thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh *(có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 60%);* bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học mất sức lao động từ 61% trở lên.

3. Nhóm C: Đảng viên được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng trở lên.

4. Nhóm D: Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân.

5. Nhóm E: Đội ngũ y, bác sỹ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên và các đối tượng phục vụ khác tham gia khám, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ, công chức thuộc diện Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

a) Đối tượng E1: Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II tuyến Trung ương lên giúp tỉnh khám, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe định kỳ đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

b) Đối tượng E2: Thạc sỹ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, tuyến Trung ương lên giúp tỉnh khám, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe định kỳ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

c) Đối tượng E3: Hội chẩn chuyên môn có bác sĩ tuyến Trung ương tham gia; Hội đồng chuyên môn Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và các bác sĩ, dược sỹ, điều dưỡng viên được trưng tập khi có yêu cầu.

d) Đối tượng E4: Bác sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên và các đối tượng trực tiếp phục vụ khi tham gia khám sức khỏe định kỳ, khám, chữa bệnh, cấp thuốc, xét nghiệm ngoài giờ tại nhà hoặc cơ quan.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Trường hợp một đối tượng, thân nhân của đối tượng hưởng nhiều mức hỗ trợ trong cùng một chính sách thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Nội dung và mức chi

1. Chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; khám và điều trị bệnh; bảo hiểm y tế; trợ cấp một lần; hỗ trợ đội ngũ y, bác sỹ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên và các đối tượng phục vụ khác làm công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe

a) Khám sức khỏe định kỳ *(bao gồm các đối tượng đương chức và nghỉ hưu, sinh sống trên địa bàn tỉnh)*

Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm đối với các đối tượng A1, A2, A3, B1, A4 *(là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*; 01 lần/năm đối với các đối tượng A4 *(không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*, A5, A6, A7, B2, nhóm D.

b) Khám và điều trị bệnh

Hỗ trợ toàn bộ chi phí cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và chi phí các dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí ngoài phần bảo hiểm y tế chi trả đối với các đối tượng A1, A2 *(trừ đối tượng A1, A2 nghỉ hưu, sinh sống ngoài địa bàn tỉnh).*

Hỗ trợ toàn bộ chi phí cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế khi đi khám và điều trị tại các cơ sở y tế trong tỉnh được giao nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ đối với đối tượng A3 *(đương chức).*

Hỗ trợ cấp thuốc điều trị các bệnh cấp tính khi đi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong tỉnh được giao nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ *(trừ các đối tượng A4, A5, A6, nhóm D nghỉ hưu, sinh sống ngoài địa bàn tỉnh)*, mức hỗ trợ như sau: 100% đối với đối tượng A1, A2, B1; không quá 9.000.000 đồng/năm đối với đối tượng A3, A4 *(là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*; không quá 7.000.000 đồng/năm đối với đối tượng A4 *(không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*, B2, nhóm D; không quá 5.000.000 đồng/năm đối với đối tượng A5; không quá 4.000.000 đồng/năm đối với đối tượng A6, A7.

Hỗ trợ cấp toàn bộ thuốc điều trị các bệnh mạn tính theo kê đơn của bác sỹ và kết luận của Hội đồng chuyên môn khi đi khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong tỉnh được giao nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ đối với các đối tượng A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, B1, B2, nhóm D *(trừ các đối tượng A4, A5, A6, nhóm D khi nghỉ hưu, sinh sống ngoài địa bàn tỉnh).*

c) Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với đảng viên được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng trở lên không phải là cán bộ, công chức, viên chức: Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế.

d) Trợ cấp 01 lần trong quá trình công tác và nghỉ hưu khi mắc bệnh hiểm nghèo *(trừ các đối tượng A4, A5, A6, nhóm D khi nghỉ hưu, sinh sống ngoài địa bàn tỉnh)*

Các đối tượng khi mắc bệnh hiểm nghèo, căn cứ vào kết quả hội chẩn của Hội đồng chuyên môn Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe tỉnh hoặc kết luận của các bệnh viện Trung ương, trong tỉnh, ngoài tỉnh kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì được hưởng trợ cấp một lần với các mức như sau: 50.000.000 đồng đối với đối tượng A1; 45.000.000 đồng đối với đối tượng A2, B1; 40.000.000 đồng đối với đối tượng A3, A4 *(là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*; 30.000.000 đồng đối với đối tượng A4 *(không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*, B2, nhóm D; 20.000.000 đồng đối với đối tượng A5; 15.000.000 đồng đối với đối tượng A6.

đ) Hỗ trợ đội ngũ y, bác sỹ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên và các đối tượng phục vụ khác tham gia khám bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ, công chức thuộc diện Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý với các mức hỗ trợ như sau: 2.000.000 đồng/người/ngày đối với đối tượng E1; 1.500.000 đồng/người/ngày đối với đối tượng E2; 200.000 đồng/người/ca đối với đối tượng E3; 200.000 đồng/người/ngày đối với đối tượng E4.

e) Thanh toán xăng xe, công tác phí đối với bác sỹ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên và các đối tượng phục vụ khác khi tham gia chuyển tuyến, phục vụ cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong thời gian khám sức khỏe định kỳ tại tuyến bệnh viện Trung ương; đưa, đón đoàn bác sỹ Trung ương lên tham gia khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại tỉnh: Mức chi theo quy định hiện hành.

2. Chính sách thăm hỏi khi ốm điều trị nội trú tại các cơ sở y tế *(trừ các đối tượng A4, A5, A6, nhóm D nghỉ hưu, sinh sống ngoài địa bàn tỉnh)*

Các đối tượng khi ốm đau điều trị tại các cơ sở y tế được thăm hỏi *(không quá 02 lần/năm)* với mức chi như sau: 2.000.000 đồng đối với đối tượng A1, A2, A3, B1, A4 *(là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*; 1.500.000 đồng đối với đối tượng B2, nhóm D, A4 *(không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*, A5; 1.000.000 đồng đối với đối tượng A6, A7, B3.

Trường hợp các đối tượng khi đi ra ngoài địa bàn tỉnh mà ốm đau, điều trị tại các cơ sở y tế ngoài tỉnh khi cơ quan thực hiện chế độ thăm hỏi phải kèm theo giấy ra viện của cơ sở y tế.

3. Chính sách điều dưỡng đối với các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nghỉ hưu, sinh sống trên địa bàn tỉnh

Thời gian điều dưỡng tập trung là 03 năm/lần, mức chi tiền ăn, tiền lưu trú, tiền thuốc, tiền thuê phương tiện để tổ chức đi điều dưỡng tập trung không quá 20.000.000 đồng/người. Trường hợp không tham gia điều dưỡng tập trung được do ốm đau điều trị bệnh hoặc không tự lo được sinh hoạt cá nhân thì được hỗ trợ điều dưỡng mức 3.000.000 đồng và tiền thuốc 500.000 đồng.

4. Chính sách phúng viếng khi đối tượng và thân nhân của đối tượng từ trần *(bao gồm các đối tượng đương chức và nghỉ hưu sinh sống trong và ngoài tỉnh)*

a) Các đối tượng khi từ trần được phúng viếng với các mức như sau: 2.500.000 đồng và 01 vòng hoa, đối với đối tượng A1, A2, A3, B1, A4 *(là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*; 2.000.000 đồng và 01 vòng hoa, đối với đối tượng A4 *(không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*, A5, A6, A7, B2, nhóm D; 1.000.000 đồng và 01 vòng hoa, đối với đối tượng B3, nhóm C.

b) Thân nhân *(bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng)* của các đối tượng khi từ trần được phúng viếng với các mức như sau: 1.500.000 đồng và 01 vòng hoa, đối với thân nhân của đối tượng A1, A2, A3, B1, A4 *(là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*; 1.000.000 đồng và 01 vòng hoa, đối với thân nhân của đối tượng A4 *(không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*, A5, A6.

5. Chính sách thăm hỏi, tặng quà cá nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ 27 tháng 7 và Tết Nguyên đán hàng năm: Mức chi 2.000.000 đồng/năm/lần

a) Thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm đối với đảng viên được tặng Huy hiệu 60 năm tuổi đảng trở lên, các đối tượng B1, B2, B3, B4.

b) Thăm hỏi, tặng quà ngày Thương binh - Liệt sĩ 27 tháng 7 hàng năm đối với các đối tượng B1, B2, B3, B4, B5.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị quyết từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Giàng Páo Mỷ